QUAN NIỆM CỦA C.MÁC VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG NỀN ĐẠO ĐỨC MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN PHÚC(*)

Bài viết trình bày và phân tích quan niệm của C.Mác về bản chất của đạo đức, quan hệ giữa lợi ích và đạo đức, tiến bộ đạo đức, dự báo về sự hình thành nền đạo đức cộng sản chủ nghĩa (thông qua sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa cộng sản và giáo dục đạo đức). Đối chiếu với các quan niệm tương ứng trong lịch sử, tác giả khẳng định tính khoa học, cách mạng, ý nghĩa và giá trị trường tồn trong quan niệm của C.Mác về đạo đức. Trong điều kiện hiện nay ở nước ta, vấn đề đặt ra là cần đẩy mạnh hơn nữa việc vận dụng và phát triển một cách sáng tạo quan niệm đó trong xây dựng đạo đức.

Với việc phát hiện chủ nghĩa duy vật lịch sử, C.Mác không chỉ tạo ra bước ngoặt cách mạng trong quan niệm về sự phát triển xã hội nói chung mà còn đặt cơ sở khoa học cho tất cả các lĩnh vực khoa học xã hội, trong đó có đạo đức học.

Trước C.Mác, tất cả các nhà triết học, do duy tâm trong quan niệm về lịch sử, nên mặc dù có những tư tưởng hợp lý nhất định về đạo đức, nhưng nhìn chung, họ không giải quyết được một cách thật sự khoa học những vấn đề căn bản của đạo đức học.

Vấn đề căn bản nhất của đạo đức học là vấn đề bản chất của đạo đức. Các tôn giáo cũng như các nhà triết học trước Mác thường quy đạo đức về một cội nguồn, một bản nguyên phi lịch sử. Bản nguyên đó hoặc là Thượng đế (tôn giáo), hoặc là một nguyên lý tiên thiên (I.Cantơ), một ý niệm tuyệt đối tự phát triển (G.Hêghen), một bản tính người trừu tượng (L.Phoiơbắc), một quyền uy nào đó (đạo đức học tán đồng), các quy luật của vũ trụ (đạo đức học mục đích luận vũ trụ),...

Xuất phát từ vai trò của lao động sản xuất đối với sự hình thành, tồn tại và phát triển con người, C.Mác đi đến quan niệm về tính quy định của phương thức sản xuất đối với toàn bộ hoạt động của con người, xã hội loài người. *Một mặt*, ông cho rằng, xã hội là một hệ thống sinh động các hiện tượng, các yếu tố đa dạng. Mỗi yếu tố, mỗi hiện tượng xã hội đều có những đặc trưng, những quy luật phát triển nội tại thuộc bản chất của chúng. *Mặt khác*, C.Mác lại khẳng định rằng, không thể nhận thức được một cách đúng đắn các hiện tượng đó, nếu chỉ xuất phát từ những đặc trưng, những quy luật nội tại của chúng. Những hiện tượng xã hội, như nhà nước, pháp luật, tôn giáo, nghệ thuật, đạo đức,... dù có tính đặc thù, nhưng xét đến cùng, cũng đều bắt nguồn từ cơ sở vật chất và bị quy định bởi cơ sở vật chất của xã hội.

Trong *Lời tựa* viết cho *Góp phần phê phán khoa kinh tế - chính trị*, C.Mác đã viết: "Phương thức sản xuất đời sống vật chất quyết định quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung. Không phải ý thức của con người quyết định sự tồn tại của họ; trái lại, sự tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ"(1). Luận điểm

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trưởng phòng Đạo đức học và Mỹ học, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.13. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.15.

này chính là chìa khoá để nhận chân bản chất của mọi hiện tượng xã hội, trong đó có đạo đức. Với việc phát hiện ra tính quy định của phương thức sản xuất đời sống vật chất, đạo đức (và các hiện tượng tinh thần khác) không còn là biểu hiện của một sức mạnh nào đó ở bên ngoài xã hội, bên ngoài các quan hệ người, cũng không phải là sự biểu hiện của những năng lực tiên thiên, nhất thành bất biến của con người. Đạo đức chính là một hình thái ý thức xã hội, nó phản ánh và bị quy định bởi tồn tại xã hội. Điều đó có nghĩa là, các quan niệm, quan điểm, các nguyên tắc, các chuẩn mực, các lý tưởng, niềm tin và tình cảm đạo đức,... tức toàn bộ ý thức đạo đức, xét đến cùng, đều là biểu hiện của một trạng thái, một trình độ phát triển nhất định những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội. Như vậy, đạo đức có bản chất xã hội.

Tiếp tục và cụ thể hoá tư tưởng của C.Mác về tính quy định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội nói chung và đạo đức nói riêng, Ph.Ăngghen đã luận chứng cho bản chất xã hội của đạo đức bằng việc chỉ ra *tính thời đại, tính dân tộc* và *tính giai cấp* của đạo đức.

Trong *Chống Đuyrinh*, cùng với việc phê phán quan niệm của Ơ.Đuyrinh về những chân lý đạo đức vĩnh cửu, Ph.Ăngghen đã khẳng định rằng, về thực chất và xét đến cùng, các nguyên tắc, các chuẩn mực, các quan niệm đạo đức chẳng qua chỉ là sản phẩm của các chế độ kinh tế, các thời đại kinh tế. Đồng thời, ông cũng cho thấy, cùng với tính quy định của yếu tố thời đại, đạo đức còn bị chi phối bởi những yếu tố mang tính dân tộc. Nhìn nhận tính khác biệt và sự chuyển đổi giá trị trong cặp khái niệm cơ bản nhất của đạo đức học, cặp khái niệm Thiện - Ác, Ph.Ăngghen viết: "Từ dân tộc này sang dân tộc khác, từ thời đại này sang thời đại khác, những quan niệm về Thiện - Ác đã biến đổi nhiều đến mức chúng thường trái ngược hẳn nhau"(2).

Cùng với tính thời đại và tính dân tộc, Ph.Ăngghen đặc biệt chú ý đến tính giai cấp của đạo đức. Ông cho rằng, trong xã hội có phân chia giai cấp, mỗi hệ thống đạo đức đều biểu hiện lợi ích của một giai cấp nhất định. Không có đạo đức chung chung, đứng trên mọi sự phân biệt giai cấp. Phê phán những mưu toan biện hộ cho tính phi giai cấp của đạo đức, Ph.Ăngghen đã chỉ ra một cách cụ thể rằng, trong xã hội tư bản chủ nghĩa, nghĩa là trong các nước tiên tiến ở châu Âu thế kỷ XIX, có ít nhất ba hệ thống đạo đức. Đó là đạo đức phong kiến Thiên chúa giáo, đạo đức tư sản và đạo đức vô sản của tương lai. Mỗi hệ thống đạo đức ấy phản ánh và bảo vệ lợi ích của một giai cấp xã hội tương ứng. Từ đó, ông khẳng định: "Con người, dù tự giác hay không tự giác, rút cuộc đều rút những quan niệm đạo đức của mình từ những quan hệ thực tiễn đang làm cơ sở cho vị trí giai cấp của mình, tức là những quan hệ kinh tế trong đó người ta sản xuất và trao đổi"(3).

Nói *rút cuộc* có nghĩa đạo đức không trực tiếp phản ánh cơ sở kinh tế, mà nó quan hệ với kinh tế qua khâu trung gian là *lợi ích*. Trong suốt tiến trình lịch sử đạo đức học, *quan hệ giữa lợi ích và đạo đức* hiện ra như một nghịch lý không khắc phục được. Ở phương Đông, Nho giáo cho rằng, quân tử cầu nghĩa, tiểu nhân cầu lợi. *Nghĩa* có thể hiểu là đạo lý, là nghĩa vụ phục vụ cộng đồng, phục vụ xã hội, còn *lợi* là lợi ích vật chất tầm thường. Như vậy, đối với Nho giáo, con người có đạo đức là con người nhận thức và thực hiện được những

(2) C.Mác và Ph. Ăngghen. *Sđd.*, t.20, tr. 135.
(3) C.Mác và Ph. Ăngghen. *Sđd.*, t.20, tr. 136.

nghĩa vụ của mình đối với xã hội. Và vì vậy, Nho giáo đã xác lập cả một hệ thống những yêu cầu, những chuẩn mực đạo đức (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, trung, hiếu, kính, tiết,...) để ràng buộc con người vào việc phục vụ lợi ích của xã hội (cố nhiên, lợi ích này trước hết là lợi ích của giai cấp phong kiến). Trong đạo đức Nho giáo không có chỗ cho lợi ích cá nhân. Ở phương Tây, những người theo *nghĩa vụ luận* cũng chủ trương rằng, không phải hạnh phúc cá nhân (tức lợi ích cá nhân) mà sự thực hiện *nghĩa vụ* mới là lý tưởng tối cao. Đối với nghĩa vụ luận, hành vi đạo đức là hành vi thực hiện nghĩa vụ, đem lại lợi ích cho người khác, cho xã hội; hành vi đem lại lợi ích cho cá nhân không có tư cách của hành vi đạo đức. Điều này được thể hiện tập trung nhất trong đạo đức học của I.Cantơ. Ngược lại, những người theo *hạnh phúc luận* lại coi xu hướng tự nhiên của con người là vươn tới hạnh phúc. Hạnh phúc cá nhân được coi là lý tưởng tối cao, mục đích và ý nghĩa cuộc sống. Hạnh phúc của người khác, của xã hội chỉ là phương tiện để thực hiện hạnh phúc cá nhân. Tính vị kỷ của quan điểm hạnh phúc luận thể hiện ở sự coi trọng lợi ích cá nhân và xem nhẹ nghĩa vụ đạo đức.

Những nhà Khai sáng, đặc biệt là C.Henvêtiuýt đã kết nối đạo đức với lợi ích và cho rằng, lợi ích cá nhân được hiểu một cách đúng đắn là nguyên tắc của toàn bộ đạo đức. Cố nhiên, đối với C.Henvêtiúyt và những nhà Khai sáng, lợi ích cá nhân hiểu một cách đúng đắn là lợi ích được thực hiện trong khuôn khổ của các quan hệ tư bản, pháp luật và công lý của xã hội tư bản. Lợi ích ấy, trong nhiều trường hợp, đối lập với lợi ích của nhân dân lao động. Đạo đức được rút ra từ nguyên tắc lợi ích đó là thứ đạo đức bị giới hạn bởi lợi ích giai cấp. Mặc dù vậy, việc thừa nhận mối liên hệ giữa lợi ích và đạo đức được xem là một bước tiến trong nhận thức về đạo đức. Nó cho thấy, đạo đức có cơ sở ở đời sống hiện thực của con người. Kế thừa và phát triển tư tưởng này, C.Mác viết: "Nếu như lợi ích đúng đắn là nguyên tắc của toàn bộ đạo đức thì do đó cần ra sức làm cho lợi ích riêng của con người cá biệt phù hợp với lợi ích của toàn thể loài người"(4). Đối với ông, vấn đề không phải ở chỗ đối lập một cách tách rời giữa lợi ích và đạo đức, mà là *giải quyết như thế nào quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội để hành vi thực hiện lợi ích của con người trở thành hành vi đạo đức*. Lợi ích cá nhân, khi phù hợp với lợi ích xã hội thì trở thành một bộ phận của lợi ích xã hội; và trong trường hợp đó, hành vi thực hiện lợi ích cá nhân là chính đáng về mặt đạo đức. Tuy nhiên, trong điều kiện xã hội còn phân chia giai cấp thì lợi ích cá nhân khó có thể phù hợp với lợi ích xã hội một cách phổ biến. Vì vậy, ra sức làm cho lợi ích của con người cá biệt phù hợp với lợi ích của toàn thể loài người có nghĩa là, ra sức đấu tranh cho sự hình thành xã hội cộng sản chủ nghĩa, nơi mà lợi ích cá nhân hoàn toàn thống nhất với lợi ích của toàn thể xã hội, của loài người.

Một trong những vấn đề căn bản khác của đạo đức học được C.Mác rất quan tâm là vấn đề *tiến bộ đạo đức*. Các học thuyết đạo đức trước Mác không nhận thấy hoặc không thừa nhận tiến bộ đạo đức. G.Hêghen cho rằng, ý niệm đạo đức là kết quả và là hình thái cao nhất trong sự phát triển của ý niệm pháp lý. Điều đó có nghĩa là, ở một chừng mực nhất định, G.Hêghen không chỉ nhận thấy mối liên hệ giữa ý niệm đạo đức và ý niệm pháp lý, mà còn nhận thấy sự phát triển của ý niệm từ hình

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.2, tr.199-200.

thái pháp lý sang hình thái đạo đức. Tuy vậy, tính duy tâm và thần bí trong quan niệm về phát triển và hệ thống triết học khép kín của ông đã không dẫn đến một sự lý giải thoả đáng về tiến bộ đạo đức. Trái lại, G.Hêghen đã biện hộ một cách siêu hình cho sự tồn tại của nhà nước Phổ với tư cách hình thái phát triển cao nhất và do đó, là sự thể hiện đầy đủ nhất ý niệm đạo đức.

Mặc dù xuất phát từ con người, coi đạo đức là quan hệ giữa người và người, nhưng lại không thấy được bản chất xã hội của con người, nên L.Phoiơbắc đã nhìn nhận đạo đức như những quan hệ, những đức tính trừu tượng, bất biến mang tính nhân bản thuần tuý. Chủ nghĩa nhân bản đã khiến ông không biết đến tiến bộ đạo đức.

Trong nửa sau thế kỷ XIX, quan niệm siêu hình về những nguyên tắc đạo đức trừu tượng, bất biến được thể hiện rất cực đoan trong hệ thống của Ơ.Đuyrinh. Xuất phát từ tính quy định của tồn tại xã hội đối với đạo đức, Ph.Ăngghen đã phê phán một cách xác đáng quan điểm của Ơ.Đuyrinh và khẳng định: "Đối với đạo đức cũng như đối với tất cả các ngành tri thức khác của nhân loại, nói chung người ta thấy có một sự tiến bộ"(5).

Tuy nhiên, theo C.Mác, đạo đức không phải là sự phản ánh trực tiếp cơ sở kinh tế, và quan hệ giữa kinh tế với đạo đức không phải là quan hệ đơn trị, một chiều. Vì vậy, không phải mọi biến đổi nào đó trong cơ sở kinh tế cũng đều nhất thiết và ngay lập tức dẫn đến sự biến đổi tương ứng trong đạo đức. Nhìn nhận đạo đức như một hình thái ý thức xã hội, C.Mác không những đã chỉ ra tính quy định của kinh tế đối với đạo đức, mà còn cho thấy những ảnh hưởng của triết học, chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo,... nghĩa là của toàn bộ đời sống tinh thần đối với đạo đức. Đồng thời, ông cũng chỉ ra sự kế thừa như một quy luật của quá trình hình thành, phát triển đạo đức và đạo đức học. Trong điều kiện xã hội phân chia giai cấp, sự kế thừa đó lại bị quy định bởi lợi ích của giai cấp đang tiến hành xây dựng hệ thống đạo đức của mình.

Vì vậy, tiến bộ đạo đức, theo C.Mác, không trùng khít với sự tăng trưởng kinh tế - kỹ thuật. Sự tăng trưởng kinh tế - kỹ thuật trong những điều kiện nhất định có thể dẫn đến sự thoái bộ trên một số phương diện nào đó của đạo đức. Chẳng hạn, C.Mác cho rằng, sự không tương đồng này thể hiện rõ nét nhất trong điều kiện cạnh tranh tự do của chủ nghĩa tư bản dẫn đến sự chạy đua áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm mục đích duy nhất là thu thật nhiều lợi nhuận. Về điều này, ông viết: "Mọi sự vật đều tựa hồ như bao hàm mặt đối lập của nó. Chúng ta thấy rằng những máy móc có một sức mạnh kỳ diệu trong việc giảm lao động của con người và làm cho lao động của con người có kết quả hơn, thì lại đem nạn đói và tình trạng kiệt quệ đến cho con người. Những nguồn của cải mới, từ xưa tới nay chưa ai biết, dường như do một sức mạnh thần kỳ nào đó lại đang biến thành nguồn gốc của sự nghèo khổ. Những thắng lợi của kỹ thuật dường như đã được mua bằng cái giá của sự suy đồi về mặt tinh thần. Dường như loài người càng chinh phục được tự nhiên nhiều hơn thì con người lại càng trở thành nô lệ của những người khác hoặc nô lệ cho sự đê tiện của chính mình"(6).

Cội nguồn của tình trạng này, như C.Mác đã chỉ rõ, nằm ngay trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, phương thức dựa trên sự chiếm hữu tư nhân về tư

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.20, tr.137.
(6) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.12, tr.10.

liệu sản xuất. Sự khắc phục triệt để tình trạng không tương đồng giữa đạo đức và tiến bộ kỹ thuật chỉ có được trong điều kiện của chủ nghĩa cộng sản dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

Khẳng định tiến bộ đạo đức, chỉ ra tính quy luật của sự phát triển đạo đức, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã đưa ra *dự báo về sự xuất hiện một nền đạo đức mới* - đạo đức cộng sản chủ nghĩa. Nền đạo đức này là sự tiếp tục và phát triển của đạo đức vô sản xuất hiện cùng với giai cấp vô sản trong lòng xã hội tư bản. Mặc dù xuất hiện trong lòng xã hội tư bản, song đạo đức vô sản chứa đựng một "số lượng nhiều nhất những nhân tố hứa hẹn một sự tồn tại lâu dài" và tiêu biểu cho tương lai. Cùng với thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản, đạo đức cộng sản sẽ được xác lập như một nền "đạo đức thực sự có tính người, đứng trên những đối lập giai cấp và trên mọi hồi ức về những đối lập ấy"(7).

Đối với các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác, sự hình thành đạo đức cộng sản không chỉ gắn liền với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản và là một bộ phận của cuộc đấu tranh ấy, mà còn gắn liền với sự nghiệp xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa. Nói cách khác, các ông đã chỉ ra mối liên hệ, tính quy định của *cơ sở kinh tế - xã hội* đối với sự hình thành nền đạo đức mới. Sau này, trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở nước Nga Xô viết, V.I.Lênin đã khẳng định: "Cơ sở của đạo đức cộng sản là cuộc đấu tranh để củng cố và hoàn thành công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản"(8); và do đó "đạo đức là những gì góp phần đoàn kết tất cả những người lao động chung quanh giai cấp vô sản đang sáng tạo ra xã hội mới"(9).

Sự hình thành nền đạo đức mới, suy cho cùng, phải thể hiện ở những nhân cách đạo đức, tức những chủ thể của các quan hệ, các hoạt động người. Chính các chủ thể đạo đức thể hiện giá trị, vai trò của đạo đức đối với sự phát triển xã hội. Vì thế, giáo dục đạo đức nhằm hình thành và phát triển những năng lực đạo đức cá nhân đáp ứng yêu cầu của xã hội luôn là mối quan tâm của các học thuyết đạo đức.

Coi bản chất con người là tổng hoà các quan hệ xã hội, C.Mác còn chỉ ra tính quy định của các điều kiện kinh tế - xã hội, và cùng với điều đó là giáo dục đạo đức đối với sự hình thành nhân cách và nhân cách đạo đức. Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử, C.Mác đã đem lại cho *khái niệm giáo dục đạo đức* một phạm vi khái quát rộng lớn với tư cách quá trình hình thành và phát triển những năng lực, những phẩm chất đạo đức của con người; do đó, làm cho nó có nội dung đầy đủ và phong phú hơn. Giáo dục đạo đức, theo nghĩa rộng là *sự hình thành đạo đức,* không quy giản chỉ về việc truyền đạt, dạy dỗ những nguyên tắc, những chuẩn mực xã hội, những cách thức ứng xử giữa người và người theo những yêu cầu nhất định (các hệ thống giáo dục đạo đức trước C.Mác chỉ dừng lại ở quá trình này). Tính quy định của các điều kiện kinh tế - xã hội đối với sự hình thành nhân cách đạo đức khiến C.Mác đặc biệt chú ý đến việc tạo ra "hoàn cảnh có tính người", "những điều kiện xứng đáng nhất, hợp với bản chất người nhất", coi đó là cơ sở, đồng thời là một phương diện hữu cơ của giáo dục đạo đức, là điều kiện tối hậu quyết định sự phát triển đạo đức con người.

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.20, tr.137.
(8) V.I.Lênin. *Toàn tập*, t.41. Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, 1977, tr.372.
(9) V.I.Lênin. *Sđd.*, t.41, tr.369.

Trong giáo dục đạo đức, C.Mác chủ trương phải kết hợp hai phương diện: *truyền đạt* và *nêu gương*. Những tấm gương đạo đức là *hiện thân sinh động* của các giá trị, các chuẩn mực đạo đức. Nhờ vậy, chúng có sức cảm hoá, có khả năng thâm nhập một cách tự nhiên vào ý thức con người. Điều đó đòi hỏi nhà giáo dục đạo đức phải là tấm gương về đạo đức. Nhưng để trở thành tấm gương, họ cần phải có những phẩm chất đáp ứng các yêu cầu của giáo dục. Vì vậy, C.Mác cho rằng, bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục.

Như vậy, tất cả những vấn đề căn bản nhất của đạo đức học: từ bản chất của đạo đức, quan hệ giữa lợi ích và đạo đức, tiến bộ đạo đức, đến những dự báo về sự hình thành nền đạo đức cộng sản chủ nghĩa (thông qua sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa cộng sản và giáo dục đạo đức) đều được C.Mác lý giải một cách khoa học. Những tư tưởng đó đã thực sự tạo nên *bước ngoặt cách mạng trong đạo đức học và làm nên giá trị trường tồn của học thuyết Mác về đạo đức.*

Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đang xây dựng nền đạo đức mới; nền đạo đức này chính là một bộ phận và là khởi đầu của nền đạo đức cộng sản mà C.Mác đã dự báo. Bởi thế, quan niệm về đạo đức của C.Mác vẫn còn nguyên giá trị với tư cách *cơ sở lý luận, phương pháp luận* của sự nghiệp xây dựng nền đạo đức mới ở nước ta.

Thực vậy, nếu đạo đức, xét đến cùng, bị quy định bởi cơ sở kinh tế - xã hội, thì sự nghiệp xây dựng nền đạo đức mới hiện nay gắn liền và là một bộ phận của sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, chịu sự chi phối của sự nghiệp đổi mới. Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là mục tiêu tổng thể của sự nghiệp đổi mới. Do vậy, mục tiêu ấy cần được quán triệt không chỉ trong quá trình đổi mới nói chung, mà cả trong sự nghiệp xây dựng đạo đức nói riêng. Đạo đức phải góp phần thực hiện những mục tiêu đó và là động lực của sự nghiệp đó. Tất cả những gì góp phần vào việc thực hiện mục tiêu của sự nghiệp đổi mới đất nước cần được coi là hợp đạo đức. Với quan điểm có tính phương pháp luận đó, chúng ta sẽ có cách nhìn nhận và giải quyết những vấn đề đạo đức một cách cụ thể, thực tế và hiệu quả hơn; khắc phục được cách nhìn nhận giáo điều về những giá trị đạo đức tuyệt đối, thiếu cơ sở thực tế. Điều đó có nghĩa là, chúng ta phải lấy những yêu cầu, những mục tiêu của sự nghiệp đổi mới làm căn cứ để xác lập các giá trị, các chuẩn mực đạo đức mới; đồng thời, làm tiêu chí để đánh giá, kế thừa, đổi mới các giá trị truyền thống, cũng như tiếp thu những giá trị văn hoá, đạo đức của nhân loại trong quá trình hội nhập quốc tế.

Nếu đạo đức có cơ sở ở sự thống nhất và chuyển hoá giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, thì có thể thấy, kinh tế thị trường không đối lập với đạo đức. Khi chuyển sang kinh tế thị trường, trong việc giải quyết những vấn đề thực tế, cũng như lý luận, nhiều khi, chúng ta vẫn còn lúng túng bởi sự chi phối của quan điểm truyền thống in đậm dấu ấn Nho giáo với sự lựa chọn: hoặc là lợi ích, hoặc là đạo đức. Nhưng nếu nhìn nhận quan hệ giữa lợi ích và đạo đức theo tinh thần của C.Mác, thì con người mưu lợi cá nhân trong hoạt động thị trường không hoàn toàn là con người ích kỷ. Họ vẫn có thể là con người có đạo đức nếu lợi ích mà họ theo đuổi không cản trở lợi ích của người khác, của xã hội; bởi lợi ích ấy cũng chính là một bộ phận của lợi ích xã hội. Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện

nay, quan điểm đó sẽ khuyến khích con người có ý chí vươn lên lập thân, lập nghiệp, làm giầu cho bản thân, cho gia đình, cho xã hội. Đồng thời, thông qua những hoạt động năng động của mình, con người khẳng định nhân cách đạo đức một cách tích cực, lấy hiệu quả của hoạt động đảm bảo cho đạo đức. Tuy nhiên, dưới tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường, lợi ích cá nhân trong trường hợp không được kiểm soát (cả về mặt pháp lý lẫn mặt đạo đức) sẽ có thể đối lập với lợi ích xã hội. Vì vậy, để lợi ích riêng của con người cá biệt phù hợp với lợi ích của xã hội, tiến tới phù hợp với lợi ích của toàn thể loài người như C.Mác khẳng định, thì *định hướng xã hội chủ nghĩa* đối với nền kinh tế thị trường là giải pháp tất yếu và tối ưu trong điều kiện hiện nay.

Tư tưởng của C.Mác về khả năng không tương đồng giữa phát triển kinh tế - kỹ thuật và tiến bộ đạo đức có ý nghĩa cảnh báo đặc biệt trong phát triển nói chung và trong xây dựng đạo đức nói riêng. Những yêu cầu của bản thân kinh tế thị trường theo hướng kinh tế tri thức cũng như những yêu cầu của hội nhập đang thúc đẩy mạnh mẽ việc áp dụng tiến bộ công nghệ. Nếu không lường trước, chúng ta sẽ phải đối mặt với những nguy cơ về đạo đức. Đó là sự gia tăng tính vô cảm, tính ích kỷ, chủ nghĩa cá nhân, tệ sùng bái vật chất, chủ nghĩa hư vô về giá trị, thói phô trương, hãnh tiến,... trong điều kiện kinh tế thị trường gắn liền với việc đẩy nhanh áp dụng các tiến bộ công nghệ. Chính vì vậy mà Đảng ta chủ trương: "Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người"(10). Chủ trương đó nhằm đảm bảo ổn định, bền vững cho phát triển, trong đó có việc khắc phục sự không tương đồng giữa phát triển kinh tế - kỹ thuật với tiến bộ đạo đức.

Đối với vấn đề giáo dục đạo đức, quan niệm của C.Mác về việc tạo ra "hoàn cảnh có tính người", tức những điều kiện xứng đáng với bản chất con người cũng đang được quán triệt bởi quan điểm lấy con người làm trung tâm trong việc hoạch định các chính sách xã hội và chủ trương đưa văn hoá vào phát triển, "làm cho văn hoá thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người... Nâng cao tính văn hoá trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân"(11). Cùng với điều đó, công tác giáo dục đạo đức cũng đang được tiến hành theo tinh thần kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, giữa truyền đạt và nêu gương với tiêu điểm là cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*. Cuộc vận động này đang được triển khai sâu rộng trên phạm vi toàn quốc thông qua nhiều hình thức hoạt động sinh động đã khẳng định giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, đồng thời khẳng định ý nghĩa trong quan niệm của C.Mác về giáo dục đạo đức.

Quan niệm về đạo đức của C.Mác đang được vận dụng sáng tạo trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay. Điều đó thể hiện ý nghĩa và giá trị trường tồn của những tư tưởng khoa học, cách mạng của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác. Vấn đề đặt ra là, cần đẩy mạnh hơn nữa việc vận dụng và phát triển một cách sáng tạo những tư tưởng đó, đồng thời khắc phục những bất cập hiện nay trong xây dựng nền đạo đức mới.❐

(10) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.77.

(11) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Sđd., tr.213.